

Số: 04/QĐ-HĐTV

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế cho vay gián tiếp
của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
QUỸ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

Căn cứ Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-HĐTV ngày 06/9/2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTV ngày 23/10/2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa về việc thông qua Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ bộ máy giúp việc Quỹ và Quy chế cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và bộ máy giúp việc Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (đề tyc);
- Lưu: VP.



Hoàng Thị Hồng

QUY CHẾ CHO VAY GIÁN TIẾP

Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-HĐTV ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nội dung về hoạt động cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm:

1. Chính sách cho vay gián tiếp.
2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cho vay gián tiếp.
3. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng.
4. Giám sát và xử lý rủi ro tín dụng.
5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là Quỹ).
2. Ngân hàng thương mại nhận vốn cho vay gián tiếp của Quỹ, được quy định cụ thể tại Điều 4 của Quy chế này (sau đây viết tắt là ngân hàng).
3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây viết tắt là DNNVV) khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị đáp ứng quy định tại Điều 6 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV và Điều 23 Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV (sau đây viết tắt là Nghị định số 39/2019/NĐ-CP) có nhu cầu vay vốn của Quỹ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **DNNVV khởi nghiệp sáng tạo** là DNNVV khai thác các loại tài sản trí tuệ quy định tại Luật sở hữu trí tuệ hoặc công nghệ mới quy định tại Luật Chuyển giao công nghệ hoặc mô hình kinh doanh mới theo quy định của pháp luật.

2. **Cụm liên kết ngành** là hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành và doanh nghiệp, tổ chức có liên quan cùng hợp tác và cạnh tranh. Các bên tham gia cụm liên kết ngành quy tụ trong một không gian địa lý nhất

định nhưng không bị giới hạn trong một hàng rào cụ thể và có thể thay đổi theo thời gian; các bên tham gia cụm liên kết ngành tự nguyện, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất, kinh doanh. Cụm liên kết ngành vận hành bằng cơ chế thỏa thuận chung, cơ chế này do các bên tham gia cụm liên kết ngành thỏa thuận và thông qua; quyền lợi, nghĩa vụ của các bên tham gia và phương thức hoạt động được quy định rõ trong thỏa thuận chung.

3. Chuỗi giá trị là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

4. Cho vay gián tiếp là việc Quỹ thực hiện cho vay đối với DNNVV thông qua giao vốn cho ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Hợp đồng khung cho vay gián tiếp là Hợp đồng được ký giữa Quỹ với ngân hàng, gồm các nguyên tắc, quy định về quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm, mối quan hệ giữa Quỹ và ngân hàng, giữa ngân hàng và DNNVV và các điều kiện, tiêu chí cho vay vốn từ Quỹ, là căn cứ để Quỹ thực hiện cho vay gián tiếp đối với các DNNVV thông qua ngân hàng.

6. Hợp đồng cho vay gián tiếp là thỏa thuận cho vay gián tiếp giữa Quỹ với ngân hàng, theo đó Quỹ giao vốn cho ngân hàng để thực hiện việc cho vay đối với từng DNNVV.

7. Hợp đồng tín dụng là Hợp đồng được ký kết giữa ngân hàng và DNNVV, theo đó ngân hàng giao hoặc cam kết giao cho DNNVV một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi, đáp ứng các quy định tại Quy chế này, hợp đồng khung cho vay gián tiếp và hợp đồng cho vay gián tiếp.

8. Thời hạn cho vay là khoảng thời gian Quỹ cho DNNVV vay và được tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay cho DNNVV cho đến thời điểm DNNVV phải trả hết nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận của ngân hàng và DNNVV. Trường hợp ngày cuối cùng của thời hạn cho vay là ngày lễ hoặc ngày nghỉ hàng tuần, thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

9. Thời gian ân hạn là khoảng thời gian tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay cho DNNVV đến thời điểm DNNVV bắt đầu trả khoản gốc và lãi đầu tiên. Trong khoảng thời gian này, DNNVV có thể không phải trả gốc hoặc lãi hoặc cả gốc và lãi cho Quỹ. Nếu lãi được ân hạn thì số tiền lãi phát sinh trong các kỳ hạn được ân hạn sẽ được trả một lần vào kỳ hạn trả nợ đầu tiên hoặc các kỳ hạn trả nợ tiếp theo theo thỏa thuận.

10. Hoạt động giám sát của Quỹ là việc theo dõi, kiểm tra, xem xét, đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật và các cam kết đã ký đối với các đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

Chương II

CHÍNH SÁCH CHO VAY GIÁN TIẾP

Điều 4. Nguyên tắc cho vay gián tiếp

1. Quỹ lựa chọn ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để ký thỏa thuận cho vay gián tiếp.

2. Ngân hàng áp dụng quy định pháp luật về hoạt động vay vốn của các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính để tiếp nhận vốn từ Quỹ.

3. Ngân hàng tự thẩm định, quyết định cho vay đối với DNNVV đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và chịu trách nhiệm rủi ro về quyết định cho vay.

Hoạt động cho vay giữa ngân hàng và DNNVV thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Hỗ trợ DNNVV, Nghị định số 39/2019/NĐ-CP, Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.

4. Ngân hàng chịu trách nhiệm trả đầy đủ gốc và lãi cho vay gián tiếp cho Quỹ đúng thời hạn đã thỏa thuận với Quỹ tại Hợp đồng cho vay gián tiếp.

5. Đồng tiền cho vay, trả nợ là Đồng Việt Nam.

Điều 5. Điều kiện vay vốn

1. DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được vay vốn của Quỹ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi;

b) Đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án sản xuất, kinh doanh tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư để thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và phải đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh;

c) Đáp ứng các quy định về bảo đảm tiền vay quy định pháp luật có liên quan.

2. DNNVV tham gia cụm liên kết ngành được vay vốn của Quỹ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, nằm trong khu vực địa lý của cụm liên kết ngành và có hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành hoặc cùng xây dựng, sử dụng thương hiệu vùng;

b) Đáp ứng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

3. DNNVV tham gia chuỗi giá trị được vay vốn của Quỹ khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, được triển khai để

trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của chuỗi giá trị hoặc có hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của chuỗi giá trị;

b) Đáp ứng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 6. Mức cho vay, thời hạn cho vay, thời gian ân hạn

1. Mức cho vay từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ đối với mỗi dự án, phương án sản xuất, kinh doanh tối đa không quá 80% tổng mức vốn đầu tư của từng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh.

2. Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của doanh nghiệp và điều kiện cụ thể của từng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh nhưng tối đa không quá 07 năm.

3. Thời gian ân hạn cho một dự án (vay vốn trung và dài hạn) tối đa là 02 năm.

4. Các khoản chi phí Quỹ không hỗ trợ:

a) Thanh toán các chi phí, đáp ứng các nhu cầu tài chính của các giao dịch, hành vi mà pháp luật cấm;

b) Mua, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh;

c) Trả nợ khoản nợ vay tại tổ chức tín dụng và trả nợ khoản vay nước ngoài;

d) Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

đ) Các khoản bồi thường.

Điều 7. Lãi suất cho vay đối với DNNVV

1. Đối với nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ:

a) Hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, Hội đồng thành viên công bố mức lãi suất cho vay gián tiếp của Quỹ;

b) Lãi suất cho vay gián tiếp với từng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh phải được ghi trong hợp đồng tín dụng. Mức lãi suất cho vay gián tiếp đối với từng khoản giải ngân được ghi trên từng Khế ước nhận nợ và áp dụng theo lãi suất cho vay của Quỹ công bố tại thời điểm gần nhất và không thay đổi trong thời hạn vay vốn;

c) Trường hợp mức lãi suất công bố thời kỳ sau tăng so với mức lãi suất công bố thời kỳ trước, những khoản vay đã ký hợp đồng tín dụng giữa DNNVV và ngân hàng trước thời điểm công bố mức lãi suất mới vẫn được hưởng mức lãi suất công bố trong thời kỳ trước đã xác định trong hợp đồng tín dụng nói trên;

d) Trường hợp mức lãi suất công bố thời kỳ sau giảm so với mức lãi suất công bố thời kỳ trước, Quỹ sẽ ra quyết định điều chỉnh mức lãi suất áp dụng đối

với những khoản vay đã ký hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất công bố trong thời kỳ trước và có văn bản thông báo gửi các ngân hàng để thực hiện điều chỉnh áp dụng mức lãi suất mới công bố áp dụng cho dự nợ còn lại trong hợp đồng tín dụng.

2. Đối với khoản vay từ nguồn vốn của ngân hàng: Lãi suất cho vay do ngân hàng quy định, Quỹ khuyến khích ngân hàng có chính sách hỗ trợ lãi suất cho DNNVV.

3. Ngày cơ sở nhận nợ cho vay gián tiếp của ngân hàng để trả lãi cho vay gián tiếp cho Quỹ là ngày ngân hàng giải ngân cho DNNVV bằng nguồn vốn của Quỹ.

4. Lãi suất cho vay quá hạn được tính bằng (=) 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Điều 8. Phí cho vay gián tiếp

1. Phí cho vay gián tiếp là khoản tiền Quỹ trả cho ngân hàng để thực hiện việc cho vay, do hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 50% tiền lãi cho vay gián tiếp thu được đối với mỗi dự án, phương án sản xuất, kinh doanh.

2. Ngân hàng được hưởng phần phí cho vay gián tiếp đối với mỗi khoản cho vay gián tiếp từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ.

3. Phí cho vay gián tiếp được xác định bằng (=) Tỷ lệ phần trăm phí cho vay gián tiếp nhân (x) với số dư nợ vay thực tế từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ theo từng dự án, phương án sản xuất, kinh doanh nhân (x) với số ngày vay thực tế của DNNVV chia (:) 365 ngày.

Điều 9. Phương thức nhận vốn từ Quỹ

Ngân hàng có quyền lựa chọn áp dụng hai phương thức nhận vốn từ Quỹ sau đây:

1. Phương thức nhận vốn trực tiếp

a) Ngân hàng thực hiện các thủ tục thẩm định hồ sơ vay vốn của DNNVV, lập bộ hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp từ Quỹ. Sau khi được Quỹ chấp thuận và chuyển vốn, ngân hàng sẽ giải ngân cho DNNVV;

b) Điều kiện: Ngày ngân hàng giải ngân lần đầu cho DNNVV không quá 01 tháng kể từ ngày Quỹ và ngân hàng ký Hợp đồng cho vay gián tiếp (trừ các trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan).

2. Phương thức nhận vốn bồi hoàn

a) Ngân hàng thực hiện các thủ tục thẩm định hồ sơ vay vốn, giải ngân cho DNNVV. Sau đó ngân hàng gửi hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp từ Quỹ để bù đắp phần vốn ngân hàng đã cho vay đối với DNNVV, phần vốn còn lại ngân hàng chưa giải ngân cho DNNVV thì áp dụng theo phương thức nhận vốn trực tiếp;

b) Điều kiện: Ngày ngân hàng nộp bộ hồ sơ đề nghị nhận vốn từ Quỹ không vượt quá 03 tháng tính từ ngày ngân hàng giải ngân lần đầu cho DNNVV;

d) Số tiền bồi hoàn thực tế là số vốn vay Quỹ chấp thuận giao vốn cho ngân hàng để cho vay gián tiếp đối với DNNVV trừ đi khoản vốn vay DNNVV đã trả (nếu có);

đ) Lãi suất: DNNVV được hưởng lãi suất cho vay gián tiếp của Quỹ tính từ thời điểm một ngày sau ngày Quỹ chuyển vốn cho ngân hàng để bồi hoàn phần vốn ngân hàng đã giải ngân cho DNNVV.

Chương III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHO VAY GIÁN TIẾP

Điều 10. Hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp

1. Hồ sơ đề nghị vay vốn của DNNVV gồm có:

a) Bản chính Giấy đề nghị vay vốn của doanh nghiệp (Mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này);

b) Bản sao Hồ sơ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh khả thi, có tối thiểu các nội dung sau:

- Kế hoạch kinh doanh và bảng tính hiệu quả kinh tế của dự án; chi phí đầu tư; các hạng mục đầu tư; nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ xây dựng, mua sắm; dự kiến kế hoạch nhận vốn và trả nợ;

- Giấy phép đầu tư (nếu có); giấy phép xây dựng (nếu có); báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Bảng kê công nợ các loại tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng DNNVV có quan hệ vay vốn (nếu có).

c) Bản sao các văn bản, giấy tờ chứng minh DNNVV thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ (Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này);

d) Bản sao Giấy đăng ký doanh nghiệp.

2. Hồ sơ ngân hàng đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp gồm có:

a) Bản chính Giấy đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp của ngân hàng (Mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này);

b) Các văn bản, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Bản sao văn bản chấp thuận về mặt nguyên tắc hoặc quyết định về việc ngân hàng cho vay DNNVV; bản sao Hợp đồng tín dụng và phụ lục (nếu có) đã được ký giữa ngân hàng và DNNVV (đối với khoản vay ngân hàng đã giải ngân cho doanh nghiệp);

d) Bản sao Báo cáo thẩm định cho vay của ngân hàng.

3. Ngân hàng phối hợp với DNNVV hoàn thiện hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp để gửi tới Quỹ. Các tài liệu trong bộ hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp do ngân hàng gửi tới Quỹ phải là bản chính hoặc bản sao (bản chụp từ bản chính, có đóng dấu của ngân hàng), ngân hàng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu đó.

4. Ngân hàng hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ đề nghị vay vốn theo quy định của ngân hàng và các giấy tờ có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Nộp hồ sơ đề nghị vay vốn

DNNVV nộp hồ sơ đề nghị vay vốn gián tiếp của Quỹ tại điểm giao dịch của ngân hàng hoặc qua bưu điện.

Điều 12. Thẩm định của ngân hàng

1. Ngân hàng có trách nhiệm hướng dẫn đầy đủ các thủ tục theo quy định khi tiếp nhận hồ sơ vay vốn của doanh nghiệp, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, ngân hàng thông báo cho DNNVV bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị vay vốn từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ theo quy định.

2. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, ngân hàng thẩm định tính khả thi của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh và thông báo cho DNNVV kết quả xử lý hồ sơ (trừ các trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan).

Nếu không đồng ý cho vay, ngân hàng có văn bản gửi DNNVV và Quỹ, nêu rõ lý do từ chối.

Nếu đồng ý cho vay, ngân hàng chuẩn bị hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp theo quy định tại Điều 10 Quy chế này và lựa chọn một trong hai phương thức sau:

a) Ngân hàng gửi hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp đến Quỹ theo phương thức nhận vốn trực tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này;

b) Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng, giải ngân cho DNNVV và gửi hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp đến Quỹ theo phương thức nhận vốn bồi hoàn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

Điều 13. Đánh giá hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp

1. Quỹ có trách nhiệm hướng dẫn đầy đủ các thủ tục theo quy định khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp của ngân hàng, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Quỹ thông báo cho ngân hàng bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

2. Sau khi nhận được bộ hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp từ ngân hàng, Quỹ kiểm tra tính đầy đủ của từng loại hồ sơ được quy định tại Điều 10 của Quy chế này và đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ theo các nội dung sau:

- a) Tính đầy đủ của hồ sơ;
- b) Việc đáp ứng tiêu chí xác định DNNVV;
- c) Việc đáp ứng tiêu chí xác định là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;
- d) Mức vốn vay của doanh nghiệp phù hợp với Nghị định số 39/2019/NĐ-CP và Quy chế này;
- đ) Đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án theo quy định tại Nghị định số 39/2019/NĐ-CP;
- e) Thời hạn vay vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh đảm bảo đúng quy định của Nghị định số 39/2019/NĐ-CP và Quy chế này;
- g) Ghi nhận kết quả thẩm định của ngân hàng về: Tính khả thi của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh; việc đáp ứng các quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Quỹ nhận được đủ hồ sơ hợp lệ từ ngân hàng, Quỹ đánh giá, quyết định đồng ý hoặc không đồng ý chuyển vốn cho ngân hàng (trừ các trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan).

Nếu không đồng ý chuyển vốn, Quỹ có văn bản gửi ngân hàng, nêu rõ lý do từ chối.

Nếu đồng ý chuyển vốn, Quỹ ký Hợp đồng cho vay gián tiếp với ngân hàng và chuyển vốn cho ngân hàng để thực hiện cho vay gián tiếp theo phương thức nhận vốn trực tiếp hoặc phương thức nhận vốn bồi hoàn.

4. Quỹ có thể thuê tư vấn độc lập hoặc thành lập Tổ tư vấn gồm nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia theo lĩnh vực chuyên môn để tư vấn thẩm định hồ sơ cho vay.

5. Thẩm quyền quyết định cho vay gián tiếp thực hiện theo phân cấp do Hội đồng thành viên quyết định.

Điều 14. Ký Hợp đồng cho vay gián tiếp

1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm Quỹ gửi Thông báo chấp thuận cho vay gián tiếp tới ngân hàng, Quỹ và ngân hàng tiến hành ký Hợp đồng cho vay gián tiếp (trừ các trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan).

2. Việc ký Hợp đồng cho vay gián tiếp giữa Quỹ và ngân hàng đối với khoản cho vay gián tiếp thực hiện theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên.

3. Hợp đồng cho vay gián tiếp bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về pháp nhân của Quỹ và ngân hàng, địa điểm, thời điểm ký thỏa thuận;

b) Các thỏa thuận về số tiền cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn

cho vay, thời gian ân hạn, đồng tiền cho vay, lãi suất cho vay, phí cho vay gián tiếp, nhận vốn vay, hoàn trả vốn, thu hồi lãi, gốc cho vay, chuyển nợ quá hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, hiệu lực của Hợp đồng cho vay gián tiếp;

c) Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng bên trong quá trình thực hiện cho vay gián tiếp; cách thức giải quyết tranh chấp, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện và các thỏa thuận khác theo yêu cầu quản lý của Quỹ phù hợp với quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Giải ngân khoản cho vay gián tiếp

1. Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ thời điểm Quỹ và ngân hàng ký Hợp đồng cho vay gián tiếp, ngân hàng phải ký Hợp đồng tín dụng hoặc Phụ lục Hợp đồng tín dụng với DNNVV (trừ các trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan), phù hợp với nội dung quy định về cho vay gián tiếp đối với DNNVV tại Hợp đồng cho vay gián tiếp giữa Quỹ và ngân hàng (gồm các nội dung sau: số tiền cho vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn cho vay, thời gian ân hạn, đồng tiền cho vay, lãi suất cho vay, nhận vốn vay, hoàn trả vốn, thu hồi lãi, gốc cho vay, chuyển nợ quá hạn, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất cho vay cố định trong suốt thời hạn vay vốn và được miễn phí trả nợ trước hạn đối với số tiền vay từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ).

2. Thời gian ngân hàng thực hiện giải ngân cho DNNVV:

a) Đối với phương thức nhận vốn trực tiếp: Ngân hàng thực hiện giải ngân lần đầu cho DNNVV không quá 01 tháng từ khi Quỹ và ngân hàng ký Hợp đồng cho vay gián tiếp (trừ các trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan, ngân hàng, doanh nghiệp thống nhất bằng văn bản, có thông báo gửi đến Quỹ và được Quỹ chấp thuận);

b) Đối với phương thức nhận vốn bồi hoàn: Ngân hàng thực hiện giải ngân cho DNNVV không quá 10 ngày làm việc từ khi Quỹ và ngân hàng ký Hợp đồng cho vay gián tiếp (trừ các trường hợp chậm trễ do nguyên nhân khách quan, ngân hàng, doanh nghiệp thống nhất bằng văn bản, có thông báo gửi đến Quỹ và được Quỹ chấp thuận).

3. Quỹ sẽ chuyển vốn theo tiến độ thực hiện dự án của DNNVV do ngân hàng thẩm định và đề xuất tại Hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp.

4. Ngân hàng gửi Giấy đề nghị chuyển vốn tới Quỹ trước ngày dự kiến giải ngân cho doanh nghiệp tối thiểu 03 ngày làm việc. Quỹ sẽ chuyển vốn cho ngân hàng vào ngày làm việc liền trước ngày ngân hàng thực hiện giải ngân cho doanh nghiệp. Ngân hàng có trách nhiệm giải ngân cho doanh nghiệp theo đúng ngày đã ghi trong Giấy đề nghị chuyển vốn.

5. Cuối mỗi tháng, ngân hàng có trách nhiệm gửi cho Quỹ toàn bộ bản sao có đóng dấu của ngân hàng như sau: Khế ước nhận nợ (hoặc văn bản tương đương), Hợp đồng tín dụng và/ hoặc phụ lục (nếu có) của các khoản giải ngân

cho DNNVV từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ có phát sinh trong tháng.

Điều 16. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, điều chỉnh mức vốn vay từ Quỹ

1. Trong trường hợp DNNVV có nhu cầu được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ để phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh, phù hợp với dòng tiền cũng như tình hình tài chính của DNNVV, ngân hàng được chủ động chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho vay không thay đổi. Trong vòng 03 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ngân hàng ra quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, ngân hàng phải có Báo cáo bất thường và biên bản làm việc giữa ngân hàng với DNNVV gửi Quỹ.

2. Trường hợp khoản vay của DNNVV cần gia hạn nợ, làm kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, vượt quá thời hạn cho vay đã thỏa thuận, ngân hàng phải có văn bản đề nghị gia hạn nợ đối với khoản vay của DNNVV gửi Quỹ (Báo cáo bất thường và biên bản làm việc giữa ngân hàng với DNNVV).

a) Sau khi nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Quỹ trả lời bằng văn bản gửi đến ngân hàng về việc chấp thuận/ từ chối gia hạn nợ đối với khoản vay của DNNVV;

b) Các khoản cho vay gián tiếp có thể được gia hạn nợ để phù hợp với khả năng trả nợ của DNNVV, tuy nhiên tổng thời gian vay vốn không được quá 07 năm.

3. Trường hợp điều chỉnh mức vốn vay từ Quỹ của DNNVV, ngân hàng phải có văn bản đề nghị điều chỉnh mức vốn vay từ Quỹ đối với khoản vay của DNNVV gửi Quỹ (Báo cáo bất thường và biên bản làm việc giữa ngân hàng với DNNVV).

Sau khi nhận được văn bản đề nghị của ngân hàng, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, Quỹ trả lời bằng văn bản gửi đến ngân hàng về việc chấp thuận/từ chối điều chỉnh mức vốn vay từ Quỹ đối với khoản vay của DNNVV.

Điều 17. Hoàn trả vốn và lãi cho vay gián tiếp

1. Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả cho Quỹ đầy đủ gốc và lãi của khoản cho vay gián tiếp đúng thời hạn vào tài khoản của Quỹ ghi tại Hợp đồng cho vay gián tiếp.

a) Trường hợp DNNVV trả gốc, lãi cho ngân hàng vào đúng thời hạn ngân hàng phải trả Quỹ mà ngân hàng không kịp chuyển trả Quỹ trong ngày thì việc trả gốc, lãi được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo;

b) Nếu ngày đến hạn trả gốc và lãi trùng vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ, Tết, việc trả gốc và lãi được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo nhưng lãi chỉ tính đến ngày trả nợ gốc, lãi ghi tại Hợp đồng cho vay gián tiếp. Lãi của khoản cho vay gián tiếp = Lãi suất cho vay gián tiếp nhân (x) với số vốn cho vay gián tiếp ngân hàng nhận thực tế nhân (x) với số ngày nhận vốn thực tế của ngân hàng chia (:) 365 ngày;

c) Ngân hàng được nhận phí cho vay gián tiếp vào ngày ngân hàng chuyển trả lãi cho vay gián tiếp cho Quý. Phí cho vay gián tiếp được khấu trừ từ tiền lãi cho vay DNNVV mà ngân hàng trả cho Quý.

2. Trường hợp khoản cho vay gián tiếp đã được Quý chuyển vốn nhưng ngân hàng không giải ngân cho DNNVV, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng nhận được vốn từ Quý, ngân hàng có trách nhiệm thông báo tới Quý và chuyển trả Quý đầy đủ phần vốn ngân hàng không giải ngân cho DNNVV.

Quá thời hạn nêu trên, ngân hàng phải chịu lãi của khoản cho vay gián tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều này đối với phần vốn ngân hàng không giải ngân.

3. Trường hợp ngân hàng nhận được vốn từ Quý nhưng ngân hàng chậm giải ngân cho DNNVV theo dự kiến tại giấy đề nghị giải ngân, ngân hàng phải chịu lãi của khoản cho vay gián tiếp theo quy định tại khoản 1 Điều này cho số ngày ngân hàng chưa giải ngân cho DNNVV.

4. Trường hợp qua giám sát, Quý phát hiện DNNVV sử dụng vốn vay sai mục đích, không đáp ứng được các điều kiện cho vay tại Quy chế này hoặc trái quy định pháp luật có liên quan, Quý yêu cầu ngân hàng thu hồi nợ cho vay gián tiếp đối với DNNVV trước hạn.

Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Quý, ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả cho Quý toàn bộ số vốn cho vay gián tiếp đã nhận và lãi vay (tính đến ngày thông báo). Sau 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Quý nếu ngân hàng không hoàn trả cho Quý toàn bộ số vốn cho vay gián tiếp đã nhận và lãi vay nói trên, ngân hàng phải chịu thêm một khoản lãi quá hạn được tính bằng (=) 150% lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) với nợ gốc hoặc lãi chậm trả của khoản vay đó nhân (x) với số ngày thực tế bị quá hạn chia (:) 365 ngày.

5. Trong trường hợp ngân hàng không trả một phần hay toàn bộ phần gốc hoặc lãi của bất kỳ khoản cho vay gián tiếp nào khi đến hạn, ngân hàng phải chịu thêm một khoản lãi quá hạn được tính bằng (=) 150% lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) với nợ gốc hoặc lãi chậm trả của khoản vay đó nhân (x) với số ngày thực tế bị quá hạn (tính từ ngày đến hạn trả gốc hoặc lãi của khoản vay đến ngày thực tế trả được gốc hoặc lãi của khoản vay đó) chia (:) 365 ngày.

6. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày khoản cho vay gián tiếp đến hạn thanh toán và hai bên không có thỏa thuận nào khác nếu ngân hàng không thực hiện thanh toán đầy đủ gốc và lãi, Quỹ sẽ gửi thông báo về việc chậm thanh toán sang ngân hàng. Trường hợp ngân hàng không thanh toán cho Quỹ, sau 30 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ký thông báo, Quỹ có quyền khởi kiện tại các cơ quan chức năng có thẩm quyền để thu hồi toàn bộ gốc và lãi phát sinh (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) của khoản vay.

7. Trả nợ trước hạn, thu hồi nợ trước hạn

a) Ngân hàng được chủ động cho DNNVV trả nợ trước hạn và DNNVV được quyền đề nghị trả nợ trước hạn, được ngân hàng chấp thuận trả trước hạn trong vòng không quá 05 ngày làm việc và không chịu bất cứ khoản tiền hay phí phạt trả nợ trước hạn.

Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày khoản tiền trả nợ trước hạn của DNNVV được chuyển vào tài khoản của ngân hàng, ngân hàng có trách nhiệm chuyển trả đầy đủ nợ gốc và lãi thực tế phát sinh cho Quỹ (đã khấu trừ phí cho vay gián tiếp). Quá thời hạn quy định, ngân hàng phải chịu thêm một khoản lãi quá hạn được tính bằng $(=)150\%$ lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) với số tiền chậm chuyển trả nhân (x) với số ngày thực tế chậm chuyển trả chia $(:)$ 365 ngày.

Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng chuyển trả đầy đủ nợ gốc và lãi thực tế phát sinh cho Quỹ, ngân hàng gửi Quỹ báo cáo bất thường và biên bản làm việc giữa ngân hàng với DNNVV.

b) Trường hợp ngân hàng chủ động thực hiện thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của DNNVV, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thu hồi nợ trước hạn, ngân hàng có trách nhiệm chuyển trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn) mà ngân hàng thu hồi được của DNNVV cho Quỹ (đã khấu trừ phí cho vay gián tiếp) và gửi Quỹ báo cáo bất thường và biên bản làm việc giữa ngân hàng với DNNVV trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng chuyển trả đầy đủ nợ gốc và lãi thực tế phát sinh cho Quỹ.

Chương IV

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NGÂN HÀNG

Điều 18. Tiêu chí lựa chọn ngân hàng

1. Các nhóm tiêu chí

a) Tính lành mạnh về tài chính: là một yếu tố quan trọng mà mọi ngân hàng phải tuân thủ; được đánh giá dựa trên phương pháp CAMELS;

b) Năng lực hoặc kinh nghiệm nội tại của ngân hàng: là yếu tố đánh giá năng lực, kinh nghiệm và mức độ phù hợp của từng ngân hàng khi tham gia dự án;

c) Mức độ cam kết của ngân hàng với Quỹ trong hỗ trợ DNNVV của Quỹ: đánh giá mức độ sẵn sàng của từng ngân hàng trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV;

d) Quản lý và quản trị điều hành: là yếu tố phi tài chính quan trọng của ngân hàng để đảm bảo tính lành mạnh tài chính trong dài hạn của ngân hàng.

2. Bảng tiêu chí chấm điểm được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 đính kèm Quy chế này.

3. Quỹ có thể sử dụng các thông tin, báo cáo ngân hàng công khai theo quy định pháp luật hoặc thông tin, báo cáo đã được kiểm toán do ngân hàng cung cấp để đánh giá ngân hàng theo các chỉ tiêu trong Bảng tiêu chí chấm điểm được quy định tại Phụ lục 4 đính kèm Quy chế này. Căn cứ vào Bảng tiêu chí chấm điểm, hàng năm Quỹ sẽ chọn và công khai danh sách các ngân hàng.

Điều 19. Hợp đồng khung cho vay gián tiếp

1. Trên cơ sở kết quả chấm điểm, Quỹ sẽ lựa chọn và ký Hợp đồng khung cho vay gián tiếp với ngân hàng đáp ứng tiêu chí lựa chọn ngân hàng của Quỹ.

2. Hợp đồng khung cho vay gián tiếp bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin về pháp nhân của Quỹ và ngân hàng, địa điểm, thời điểm ký thỏa thuận;

b) Các thỏa thuận về phí cho vay gián tiếp, hoàn trả gốc và lãi, cách thức phối hợp xử lý, hiệu lực, sửa đổi của Hợp đồng khung cho vay gián tiếp;

c) Quyền và nghĩa vụ của từng bên trong quá trình thực hiện cho vay gián tiếp; cách thức giải quyết tranh chấp, vướng mắc, vi phạm phát sinh trong quá trình thực hiện và các thỏa thuận khác phù hợp với quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hợp đồng khung cho vay gián tiếp sẽ có hiệu lực kể từ khi được ký kết cho đến khi thanh lý Hợp đồng cho vay gián tiếp cuối cùng, tức là khi tất toán toàn bộ nghĩa vụ của các bên đối với tất cả các giao dịch cho vay gián tiếp cụ thể.

4. Hợp đồng khung cho vay gián tiếp của Quỹ ký với từng ngân hàng có thể được điều chỉnh hoặc không thay đổi do hai bên thỏa thuận.

a) Nếu không có thay đổi thì Hợp đồng khung cho vay gián tiếp sẽ tiếp tục có hiệu lực;

b) Trường hợp có thay đổi thì các bên sẽ ký phụ lục điều chỉnh Hợp đồng khung cho vay gián tiếp;

c) Trường hợp kết thúc thỏa thuận, Quỹ và ngân hàng sẽ ký biên bản/ văn bản thông báo để ngừng thực hiện các giao dịch cho vay gián tiếp mới hoặc ngừng giải ngân đối với các giao dịch cho vay gián tiếp theo Hợp đồng khung cho vay gián tiếp nhưng hai bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các quy định còn lại

đối với các khoản vay đã thực hiện giải ngân cho đến khi tất toán toàn bộ nghĩa vụ của các bên như đã nêu ở trên, bao gồm nhưng không giới hạn nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi phát sinh (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn).

5. Trong Hợp đồng khung cho vay gián tiếp có nội dung được dẫn chiếu từ Quy chế cho vay gián tiếp này và trong trường hợp Quy chế cho vay gián tiếp được sửa đổi, bổ sung thì Quỹ và ngân hàng vẫn phải thực hiện mọi quy định theo những nội dung mà Hợp đồng khung cho vay gián tiếp đã dẫn chiếu từ Quy chế cho vay gián tiếp cũ đối với các khoản vay đã thực hiện giải ngân. Sau khi Quỹ và ngân hàng ký Hợp đồng khung cho vay gián tiếp mới theo Quy chế cho vay gián tiếp được sửa đổi, bổ sung thì sẽ áp dụng đối với Hợp đồng cho vay gián tiếp mới được ký kết giữa Quỹ và ngân hàng kể từ thời điểm Hợp đồng khung cho vay gián tiếp mới có hiệu lực. Đối với những Hợp đồng cho vay gián tiếp đã ký trước khi Hợp đồng khung cho vay gián tiếp mới có hiệu lực, nếu cần thiết, Quỹ và ngân hàng có thể ký phụ lục hợp đồng để điều chỉnh nội dung theo Hợp đồng khung cho vay gián tiếp mới dẫn chiếu từ Quy chế cho vay gián tiếp được sửa đổi, bổ sung.

Chương V

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Điều 20. Hoạt động giám sát của Quỹ

1. Quỹ thực hiện hoạt động giám sát định kỳ và đột xuất đối với tất cả các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh nhận nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ.

2. Đối tượng giám sát của Quỹ bao gồm:

a) Các ngân hàng nhận vốn cho vay gián tiếp của Quỹ;

b) Các DNNVV nhận vốn vay từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ.

Điều 21. Giám sát đối với các ngân hàng nhận vốn cho vay gián tiếp của Quỹ

Quỹ thực hiện việc giám sát định kỳ theo quý hoặc đột xuất đối với các ngân hàng nhận vốn từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ.

1. Nội dung giám sát

a) Giám sát việc sử dụng nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ;

b) Giám sát việc hoàn trả gốc, lãi đối với từng khoản vay;

c) Giám sát tính đầy đủ, chính xác và trung thực trong hồ sơ của ngân hàng đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp của Quỹ;

d) Giám sát sự phù hợp giữa hồ sơ của ngân hàng trong việc đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp của Quỹ với hồ sơ đề nghị vay vốn của doanh nghiệp;

đ) Các nội dung giám sát khác phù hợp với quyền và nghĩa vụ của Quỹ và ngân hàng (nếu cần thiết).

2. Hình thức giám sát

Giám sát thông qua báo cáo và trực tiếp kiểm tra hồ sơ, tài liệu do ngân hàng hoặc các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp.

Điều 22. Giám sát đối với các DNNVV

Quý thực hiện việc giám sát theo kế hoạch hoặc đột xuất đối với DNNVV trong việc sử dụng nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quý.

1. Nội dung giám sát:

a) Giám sát mục đích sử dụng vốn vay;

b) Giám sát việc triển khai thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh đã vay vốn từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quý.

2. Hình thức giám sát

Giám sát thông qua báo cáo và trực tiếp kiểm tra hồ sơ, tài liệu (gồm cả tài liệu bằng hình ảnh, video clip) do DNNVV, ngân hàng hoặc các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp, kết hợp với việc tham quan thực địa cơ sở của DNNVV có sử dụng vốn để đánh giá trực quan hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Việc lựa chọn địa điểm thăm quan thực địa sẽ triển khai ngẫu nhiên, hoặc khi có thông tin về kết quả tích cực hay tiêu cực từ nguồn vốn vay nhưng phải tuân thủ theo quy định của Quý.

Điều 23. Hoạt động giám sát của ngân hàng đối với DNNVV

Ngân hàng thực hiện việc giám sát DNNVV thường xuyên, định kỳ và đột xuất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với hoạt động giám sát của các tổ chức tín dụng và theo quy định nội bộ của ngân hàng. Ngân hàng có thể mời đại diện Quý cùng tham gia giám sát DNNVV.

Điều 24. Trách nhiệm của Quý, ngân hàng và DNNVV trong hoạt động giám sát

1. Trách nhiệm của Quý

a) Quý có trách nhiệm thông báo kế hoạch giám sát, thành phần tham gia Đoàn giám sát, mục đích, yêu cầu và nội dung giám sát đã được người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cho ngân hàng để phối hợp thực hiện;

b) Lập biên bản nội dung cuộc giám sát có chữ ký của các bên liên quan;

c) Báo cáo kết quả giám sát

- Báo cáo kết quả giám sát định kỳ: Trước ngày 30 của tháng đầu quý tiếp theo, Quý phải có báo cáo, thông báo kết quả giám sát định kỳ;

- Báo cáo kết quả giám sát đột xuất: Sau 10 ngày kể từ khi kết thúc việc giám sát đột xuất, Quý phải có báo cáo, thông báo kết quả giám sát đột xuất.

2. Trách nhiệm của ngân hàng

a) Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo và cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung giám sát của Quỹ.

- Báo cáo định kỳ

Trước ngày 30 của tháng cuối hằng quý, ngân hàng có trách nhiệm gửi báo cáo về Quỹ, báo cáo quý IV thay cho báo cáo năm và cung cấp hồ sơ, tài liệu về các nội dung giám sát được quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 21 để phục vụ việc giám sát định kỳ của Quỹ.

- Báo cáo đột xuất

Ngân hàng có trách nhiệm gửi báo cáo và cung cấp hồ sơ, tài liệu về các nội dung giám sát được quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 21 để phục vụ việc giám sát đột xuất của Quỹ.

b) Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp mọi thông tin về khoản vay của DNNVV đầy đủ, kịp thời, trung thực theo yêu cầu của Quỹ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin tài liệu do ngân hàng ban hành;

c) Hướng dẫn, đôn đốc DNNVV chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan đến dự án, phương án sản xuất, kinh doanh để thuận lợi trong công tác giám sát;

d) Phối hợp chặt chẽ với Quỹ thực hiện việc giám sát đột xuất tại DNNVV theo các nội dung trong kế hoạch giám sát.

3. Trách nhiệm của DNNVV

DNNVV có trách nhiệm gửi báo cáo và cung cấp hồ sơ, tài liệu về các nội dung giám sát được quy định tại khoản 1 Điều 21 để phục vụ việc giám sát đột xuất của Quỹ.

Điều 25. Các biện pháp xử lý sai phạm

1. Xử lý sai phạm đối với Quỹ

Quỹ phải chịu phí phạt cho số ngày chậm chuyển vốn cho ngân hàng để giải ngân cho DNNVV khi hồ sơ đề nghị chuyển vốn đáp ứng đầy đủ theo quy định. Phí phạt chậm chuyển vốn được tính bằng (=) 100% lãi suất cho vay trong hạn nhân (x) với số vốn phải chuyển trong đợt nhân (x) với số ngày thực tế chậm chuyển chia (:) 365 ngày.

2. Xử lý sai phạm đối với ngân hàng

Tùy theo mức độ sai phạm của ngân hàng, áp dụng biện pháp xử lý với các hình thức sau:

a) Phạt giải ngân chậm cho DNNVV so với kế hoạch giải ngân đã cam kết theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Quy chế này;

b) Phạt trả gốc, lãi chậm theo cam kết đối với từng Hợp đồng cho vay gián tiếp theo quy định tại khoản 5 Điều 17 của Quy chế này;

c) Thu hồi vốn vay gián tiếp khi Quỹ giám sát phát hiện ngân hàng không tuân thủ các điều khoản cam kết trong Hợp đồng khung cho vay gián tiếp và Hợp đồng cho vay gián tiếp theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 17 đối với các trường hợp sau:

- Hồ sơ ngân hàng đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp không phù hợp, chính xác thông tin với hồ sơ đề nghị vay vốn của DNNVV dẫn đến việc xác định sai đối tượng hỗ trợ của Quỹ;

- Ngân hàng và DNNVV sử dụng vốn sai mục đích;

- Các sai phạm khác dẫn đến nguy cơ mất vốn của Quỹ.

3. Xử lý sai phạm đối với DNNVV

Trường hợp DNNVV sử dụng vốn vay không đúng như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, Quỹ có quyền yêu cầu ngân hàng đưa ra các biện pháp xử lý sai phạm theo quy định của ngân hàng và Hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện việc hoàn trả gốc và lãi cho Quỹ theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 17 của Quy chế này.

4. Trường hợp không tự giải quyết được bằng thương lượng, các bên có thể đưa vụ việc ra Tòa án nhân dân nơi bị đơn có trụ sở để giải quyết. Luật áp dụng là Pháp luật Việt Nam.

Chương VI

XỬ LÝ RỦI RO TÍN DỤNG

Điều 26. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Ngân hàng xem xét, quyết định các biện pháp xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay gián tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Trường hợp DNNVV lâm vào tình trạng nợ xấu, mất khả năng thanh toán khoản vay hoặc DNNVV không thực hiện đúng các điều kiện vay vốn trong Hợp đồng tín dụng ký giữa ngân hàng và DNNVV, ngân hàng có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 và khoản 1, khoản 4, khoản 7 Điều 17 của Quy chế này.

Chương VII

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 27. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ

1. Quyền của Quỹ

a) Thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22 của Quy chế này;

b) Giới thiệu DNNVV cho ngân hàng. Việc giới thiệu theo quy định này không dẫn đến trách nhiệm liên đới tới rủi ro của khoản vay sau này;

c) Chấp nhận hoặc từ chối ký Hợp đồng cho vay gián tiếp đối với ngân hàng;

d) Yêu cầu ngân hàng đình chỉ việc cấp vốn, thu hồi các khoản vốn đã cho vay các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh của DNNVV nếu phát hiện DNNVV vi phạm các điều kiện của Quỹ đối với DNNVV và các dự án, phương án sản xuất, kinh doanh đã được quy định tại Quy chế này hoặc vi phạm hợp đồng tín dụng hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước; tiến hành khởi kiện đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Định kỳ thu nợ gốc và lãi từ việc cho vay gián tiếp theo quy định tại Điều 18 của Quy chế này;

e) Thu nợ gốc quá hạn và lãi quá hạn đối với việc cho vay gián tiếp theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

g) Khởi kiện việc vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Quỹ

a) Thông báo công khai tới các ngân hàng về hoạt động cho vay gián tiếp của Quỹ. Thông tin công bố gồm: Quy chế và phương thức hoạt động của Quỹ, tiêu chí chọn ngân hàng, thủ tục làm việc và một số quy định khác (nếu cần thiết);

b) Thông báo công khai danh sách những ngân hàng đạt yêu cầu và các ngân hàng được chọn để ký Hợp đồng khung cho vay gián tiếp;

c) Thực hiện kiểm tra tính hợp lệ của khoản vay, thủ tục chuyển nhận vốn cho vay gián tiếp, ký Hợp đồng cho vay gián tiếp và giải ngân khoản cho vay gián tiếp theo quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Quy chế này;

d) Thực hiện thanh toán phí cho vay gián tiếp đầy đủ cho ngân hàng theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

đ) Thông báo trả lời về việc gia hạn nợ (làm kéo dài thời hạn trả nợ của khoản vay) đối với khoản vay của DNNVV theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

e) Thông báo trả lời về việc điều chỉnh mức vốn vay từ Quỹ đối với khoản vay của DNNVV theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy chế này;

g) Thông báo về việc thay đổi lãi suất tới ngân hàng để ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay DNNVV;

h) Khi có rủi ro trong quá trình cho vay gián tiếp, Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Quy chế này;

i) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Quy chế này;

k) Thực hiện việc xử lý sai phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Quy chế này.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng

1. Quyền của ngân hàng

a) Thẩm định và quyết định cho vay đối với dự án, phương án sản xuất, kinh doanh của DNNVV;

b) Kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn đối với những khoản cho vay đối với DNNVV theo quy định tại Điều 23 của Quy chế này;

c) Chủ động đình chỉ cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 7 Điều 17 của Quy chế này; điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (không làm kéo dài thời hạn trả nợ của khoản vay) đối với khoản vay của DNNVV theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Quy chế này;

d) Đề xuất Quỹ xem xét việc gia hạn nợ (làm kéo dài thời hạn trả nợ của khoản vay) đối với khoản vay của DNNVV theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này;

đ) Đề xuất Quỹ xem xét việc điều chỉnh mức vốn vay từ Quỹ đối với khoản vay của DNNVV theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Quy chế này;

e) Nhận phí cho vay gián tiếp theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này;

g) Khởi kiện việc vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của ngân hàng

a) Thực hiện đúng các điều khoản của Quy chế này;

b) Ban hành quy định, quy trình thẩm định, ra quyết định cho vay gián tiếp và công bố công khai;

c) Thẩm định, cấp tín dụng bằng nguồn vốn cho vay gián tiếp theo đúng quy định tại Điều 12 của Quy chế này và quy trình cấp tín dụng của ngân hàng với sự cẩn trọng và tinh thần trách nhiệm như cấp tín dụng bằng vốn của ngân hàng;

d) Thực hiện ký Hợp đồng cho vay gián tiếp và giải ngân khoản cho vay gián tiếp theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế này;

đ) Phối hợp với Quỹ trong việc kiểm tra, giám sát khoản vay theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này;

e) Hoàn trả cho Quỹ gốc hoặc lãi, hoặc/và lãi phạt do trả nợ gốc, lãi không đúng hạn đối với việc cho vay gián tiếp theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này;

g) Thực hiện xử lý rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Quy chế này;

h) Hướng dẫn DNNVV được tiếp cận vay vốn gián tiếp theo đúng quy định của Quỹ;

i) Phối hợp với Quỹ, DNNVV tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động cho vay gián tiếp;

k) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 24 của Quy chế này;

l) Tuân thủ nghiêm túc việc xử lý sai phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế này.

Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của DNNVV

1. Quyền của DNNVV

a) Tiếp cận thông tin về hoạt động cho vay gián tiếp;

b) Đề nghị ngân hàng giải ngân vốn vay khi đã đủ điều kiện;

c) Được phép giảm vốn vay và rút ngắn thời gian trả nợ, mà không bị phạt, theo hợp đồng tín dụng đã ký;

d) Được phép đề nghị tăng hoặc giảm mức vốn vay và gia hạn thời gian trả nợ (không quá 07 năm) theo hợp đồng tín dụng đã ký nếu có lý do chính đáng và được ngân hàng chấp nhận;

đ) Từ chối các yêu cầu của ngân hàng không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong hợp đồng;

e) Khởi kiện việc vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của DNNVV

a) Sử dụng vốn vay đúng mục đích, theo đúng thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ và các bên có liên quan;

b) Tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và thực hiện đúng, đầy đủ các cam kết, nghĩa vụ theo thỏa thuận đã ký kết giữa Quỹ và các bên có liên quan;

c) Trả gốc, lãi vay đầy đủ, đúng hạn đã cam kết;

d) Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn, sử dụng vốn vay của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

đ) Kịp thời báo cáo ngân hàng về các sự cố, tình huống có thể dẫn đến rủi ro của khoản vay để cùng với ngân hàng và Quỹ có giải pháp kịp thời giảm thiểu tác động xấu;

e) Hoàn trả vốn vay khi sử dụng vốn vay không đúng mục đích hoặc trong các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa DNNVV với ngân hàng.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm thi hành

1. Quỹ, ngân hàng, DNNVV và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
2. Giám đốc ban hành quy trình cho vay gián tiếp của Quỹ.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh Giám đốc phải báo cáo kịp thời để Hội đồng thành viên Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được Hội đồng thành viên thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình triển khai, việc áp dụng các Phụ lục kèm theo có thể thay đổi nhằm phù hợp với điều kiện, tình hình áp dụng thực tế.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định của Quy chế này do Hội đồng thành viên quyết định../.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Hồng

- Họ và tên: Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn: Năm tốt nghiệp:
- Thời gian công tác và kinh nghiệm quản lý:

Kế toán trưởng/Phụ trách tài chính:

- Họ và tên: Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn: Năm tốt nghiệp:
- Thời gian công tác và kinh nghiệm quản lý:
- Điện thoại liên hệ:.....Email:.....

2. Thông tin dự án/phương án sản xuất kinh doanh

- Tên dự án/phương án sản xuất kinh doanh:
- Tổng vốn đầu tư:
- Vốn chủ sở hữu tham gia:
- Vốn vay:
- Số tiền đề nghị vay từ Quỹ:

(Bằng chữ:.....)

- Mục đích sử dụng tiền vay *(ghi rõ vay vốn để làm gì, sản xuất ra sản phẩm gì, thanh toán hạng mục gì):*
- Thời hạn vay:
- Thời gian ân hạn đối với khoản vay trung, dài hạn (gốc/lãi):

3. Chúng tôi cam kết:

- Sử dụng vốn vay ưu đãi đúng mục đích và có hiệu quả.
- Trả nợ (gốc và lãi) đầy đủ, đúng hạn.
- Chấp nhận và tuyệt đối tuân thủ các quy định về cho vay của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và Ngân hàng
- Hồ sơ vay vốn được xây dựng hoàn toàn dựa trên các thông tin, tài liệu hiện có của đơn vị.
- Phương án sử dụng vốn vay và phương án trả nợ phù hợp với dự án được duyệt, khả năng tài chính, quản lý và triển khai thực hiện dự án của chúng tôi.
- Cam kết đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án, phương án sản xuất, kinh doanh tối thiểu 20%.
- Chịu trách nhiệm cung cấp các tài liệu liên quan cho Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa khi có yêu cầu và chịu trách nhiệm về sự chính xác và trung thực của các tài liệu cung cấp.
- Cam kết khác:

Đề nghị Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét đề nghị của chúng tôi và thông báo cho chúng tôi biết quyết định của Quỹ./.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

1. Xác định lĩnh vực hoạt động của DNNVV

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

2. Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của DNNVV

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

3. Xác định tổng nguồn vốn của DNNVV

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.

4. Xác định tổng doanh thu của DNNVV

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**PHỤ LỤC 02: VĂN BẢN, GIẤY TỜ CHỨNG MINH DNNVV
THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ CỦA QUỸ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTV ngày tháng năm 2019
của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển DNNVV về việc ban hành Quy chế cho
vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV)*

Các văn bản, giấy tờ chứng minh doanh nghiệp thuộc đối tượng hỗ trợ của Quỹ như sau:

1. Văn bản, giấy tờ xác định doanh nghiệp là DNNVV:

a) Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất đối với doanh nghiệp hoạt động từ 02 năm trở lên. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 02 năm là báo cáo tài chính 01 năm. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm là báo cáo tài chính quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký vay vốn;

b) Chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội; đối với doanh nghiệp mới thành lập, thông tin tự khai về số lao động hợp đồng.

2. Văn bản, giấy tờ xác định là DNNVV khởi nghiệp sáng tạo

DNNVV phải nộp một trong các văn bản, giấy tờ sau:

a) Văn bằng bảo hộ tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ gồm:

- Bằng độc quyền sáng chế, hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, hoặc Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý do Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, hoặc;

- Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả đối với chương trình máy tính do Cục bản quyền tác giả, Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch cấp, hoặc;

- Bằng bảo hộ giống cây trồng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp.

b) Hợp đồng chuyển nhượng, hoặc Hợp đồng sử dụng tài sản trí tuệ của doanh nghiệp với tổ chức, cá nhân sở hữu tài sản trí tuệ (Hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, hoặc Hợp đồng sử dụng quyền tác giả, hoặc Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, hoặc Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, hoặc Hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng, hoặc Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng, v.v...) và văn bằng bảo hộ tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân sở hữu tài sản trí tuệ.

c) Đối với DNNVV có công nghệ mới: Văn bản do cơ quan có thẩm quyền công nhận, đăng ký, lưu hành cho tổ chức, cá nhân có công nghệ mới hoặc văn bản xác nhận khác về công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc cơ quan có thẩm quyền.

d) Đối với DNNVV nhận chuyển giao công nghệ: Hợp đồng chuyển giao công nghệ với tổ chức, cá nhân có công nghệ mới đã được công nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, hoặc chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng vốn nhà nước hoặc ngân sách nhà nước, trừ trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và hợp đồng chuyển giao công nghệ được đăng ký với cơ quan quản lý là Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ.

đ) Đối với DNNVV có mô hình kinh doanh mới: Bản thuyết minh về công nghệ và mô hình kinh doanh, nêu rõ về tính hiệu quả, khả thi, cạnh tranh và văn bản của cơ quan có thẩm quyền công nhận, đăng ký hoặc cho phép triển khai mô hình kinh doanh mới.

e) Đối với DNNVV tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Quyết định lựa chọn doanh nghiệp hoặc văn bản công bố danh sách doanh nghiệp được lựa chọn và Quyết định phê duyệt Đề án.

3. Văn bản, giấy tờ xác định là DNNVV tham gia cụm liên kết ngành

DNNVV phải nộp một trong các văn bản, giấy tờ sau:

a) Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp khác trong cụm liên kết ngành và văn bản về thỏa thuận chung giữa các bên tham gia cụm liên kết ngành;

b) Đối với DNNVV cùng xây dựng, sử dụng thương hiệu vùng:

- Đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam hoặc Đăng ký quốc tế nhãn hiệu nguồn gốc Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền cấp cho doanh nghiệp;

- Văn bản do cơ quan có thẩm quyền cấp cho doanh nghiệp được sử dụng: Nhãn hiệu đăng ký quốc gia hoặc Chỉ dẫn địa lý;

c) Đối với DNNVV tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Quyết định lựa chọn doanh nghiệp hoặc văn bản công bố danh sách doanh nghiệp được lựa chọn và Quyết định phê duyệt Đề án.

4. Văn bản, giấy tờ xác định là DNNVV tham gia chuỗi giá trị

DNNVV phải nộp một trong các văn bản, giấy tờ sau:

a) Hồ sơ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Quy chế này, được triển khai để trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm;

b) Đối với DNNVV tham gia một trong các khâu sản xuất của chuỗi giá trị (khai thác và cung cấp nguyên liệu đầu vào; sản xuất, chế biến sản phẩm; tiêu thụ và phân phối sản phẩm): Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với doanh nghiệp trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm của chuỗi giá trị;

c) Đối với DNNVV tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Quyết định lựa chọn doanh nghiệp hoặc văn bản công bố danh sách doanh nghiệp được lựa chọn và Quyết định phê duyệt Đề án.

PHỤ LỤC 03: GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬN VỐN CHO VAY GIÁN TIẾP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-HĐTV ngày tháng năm 2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển DNNVV về việc ban hành Quy chế cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV)

NGÂN HÀNG...

(Ngân hàng nhận vốn từ Quỹ)

Số:...../

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....., tháng....., năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ NHẬN VỐN CHO VAY GIÁN TIẾP

Kính gửi: Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Tên Ngân hàng:.....
2. Địa điểm trụ sở chính:.....
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Số tài khoản:.....
5. Người đại diện:.....Chức vụ:.....
6. Căn cứ:
 - Hợp đồng khung về cho vay gián tiếp được ký kết giữa Quỹ và ngân hàng số ... ngày tháng năm.....,
 - Hồ sơ đề nghị nhận vốn cho vay gián tiếp của ngân hàng....
7. Ngân hàng ... đề nghị Quỹ xem xét, chấp thuận chuyển vốn cho ngân hàng... để cho vay DNNVV như sau:
 - a) Thông tin về DNNVV:
 - Tên doanh nghiệp:
 - Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:....., ngày cấp lần đầu:...../...../.....
 - Lĩnh vực hoạt động của DNNVV:
 - Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm(đối với DNNVV mới thành lập, thông tin về số lao động hợp đồng do DNNVV tự khai):
 - Tổng nguồn vốn năm trước liền kề:

- Tổng doanh thu năm trước liên kê:

- Vốn điều lệ:

- Thông tin lịch sử tín dụng của DNNVV:

b) Thông tin dự án/phương án sản xuất kinh doanh

- Tên dự án/phương án sản xuất kinh doanh:

- Kế hoạch kinh doanh và bảng tính hiệu quả kinh tế của dự án; chi phí đầu tư; các hạng mục đầu tư; nguồn vốn đầu tư; dự kiến tiến độ xây dựng, mua sắm; dự kiến kế hoạch nhận vốn và trả nợ; giấy phép đầu tư theo quy định (nếu có); giấy phép xây dựng theo quy định (nếu có); báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định (nếu có).

- Tổng vốn đầu tư:

+ Vốn chủ sở hữu tham gia:

+ Vốn vay:

- Số tiền đề nghị vay vốn từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ:

(Bằng chữ:)

- Số tiền đề nghị vay vốn từ nguồn vốn của ngân hàng:

(Bằng chữ:)

- Mục đích sử dụng tiền vay (*Ghi rõ vay vốn để làm gì, sản xuất ra sản phẩm gì, thanh toán hạng mục gì*):

- Thời hạn vay:

- Thời gian ân hạn đối với khoản vay trung, dài hạn (gốc/lãi):

- Biện pháp bảo đảm tiền vay:

- Đánh giá tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh của DNNVV:

- Phương án giải ngân (một lần hay từng lần theo tiến độ) và kế hoạch trả nợ của DNNVV.

c) Lãi suất cho vay:

- Lãi suất cho vay từ nguồn vốn cho vay gián tiếp của Quỹ:

- Lãi suất cho vay từ nguồn vốn của ngân hàng:

d) Mức phí cho vay gián tiếp là:.....

(Căn cứ vào Hợp đồng khung về cho vay gián tiếp được ký kết giữa Quỹ và ngân hàng số ... ngày tháng năm.....)

8. Các cam kết:

- Mọi thông tin mà ngân hàng ... cung cấp về khoản vay cho DNNVV nêu trên là đầy đủ, trung thực, ngân hàng ... chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin tài liệu do ngân hàng ... ban hành.

- Chấp hành đầy đủ các quy định về cho vay gián tiếp theo quy định của pháp luật và các quy định của Quỹ Phát triển DNNVV.

- Ngân hàng ... cam kết thực hiện các điều khoản quy định tại Hợp đồng khung về cho vay gián tiếp được ký kết giữa Quỹ và ngân hàng số ... ngày tháng năm....

Nơi nhận:

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

1. Xác định lĩnh vực hoạt động của DNNVV

Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về hệ thống ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất. Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất.

2. Xác định số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm của DNNVV

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là toàn bộ số lao động do doanh nghiệp quản lý, sử dụng và trả lương, trả công tham gia bảo hiểm xã hội theo pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp bảo hiểm xã hội của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân được tính bằng tổng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội của các tháng hoạt động chia cho số tháng hoạt động.

3. Xác định tổng nguồn vốn của DNNVV

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán thể hiện trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm, tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm cuối quý liền kề thời điểm doanh nghiệp đăng ký hưởng nội dung hỗ trợ.

4. Xác định tổng doanh thu của DNNVV

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Trường hợp doanh nghiệp hoạt động dưới 01 năm hoặc trên 01 năm nhưng chưa phát sinh doanh thu thì doanh nghiệp căn cứ vào tiêu chí tổng nguồn vốn quy định tại Điều 9 Nghị định này để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa.

**PHỤ LỤC 04: BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN
NGÂN HÀNG NHẬN VỐN CHO VAY GIÁN TIẾP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ- HĐTV ngày tháng năm 2019 của Hội đồng thành viên Quỹ Phát triển DNNVV về việc ban hành Quy cho vay gián tiếp của Quỹ Phát triển DNNVV)

Nhóm tiêu chí	Tiêu chí
<p>A. Lãnh mạnh tài chính (tối đa 30 điểm)</p>	<p>1. Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức tăng tổng tài sản so với năm trước (tối đa 4 điểm): 4 nếu Mức tăng tổng tài sản > 15%; 2 nếu 12% < Mức tăng tổng tài sản ≤ 15%; 0 nếu mức tăng trưởng ≤ 12%. - Mức tăng Vốn chủ sở hữu (tối đa 2 điểm): 2 nếu Vốn chủ sở hữu tăng; 0 nếu Vốn chủ sở hữu không tăng. <p>2. Chất lượng hoạt động tín dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng trưởng tín dụng so với năm trước (tối đa 4 điểm): 4 nếu Tăng trưởng tín dụng > 17%; 2 nếu 14% < Tăng trưởng tín dụng ≤ 17%; 0 nếu Tăng trưởng tín dụng ≤ 14%. - Tỉ lệ nợ xấu (tối đa 4 điểm): 4 nếu NPL ≤ 1%; 3 nếu 1% < NPL ≤ 2%; 2 nếu 2% < NPL ≤ 2,5%; 1 nếu 2,5% < NPL ≤ 3%; 0 nếu NPL > 3%. <p>3. Khả năng sinh lời</p> <ul style="list-style-type: none"> - ROE (tối đa 4 điểm): 4 nếu ROE > 20%;

	<p>2 nếu $10\% \leq ROE \leq 20\%$; 1 nếu $5\% \leq ROE < 10\%$; 0 nếu $ROE < 5\%$.</p> <p>4. Khả năng thanh khoản</p> <p>- Tỉ lệ an toàn vốn (CAR) (tối đa 4 điểm):</p> <p>4 nếu $CAR > 13\%$; 3 nếu $11\% \leq CAR \leq 13\%$; 2 nếu $9\% \leq CAR < 11\%$; 0 nếu $CAR < 9\%$.</p> <p>- Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn (tối đa 4 điểm):</p> <p>4 nếu Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn $\leq 20\%$; 2 nếu $20\% < \text{Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn} \leq 30\%$; 0 nếu Tỷ lệ sử dụng vốn Ngắn hạn cho vay trung dài hạn $> 30\%$.</p> <p>- Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay (tối đa 4 điểm):</p> <p>4 nếu Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay $> 20\%$; 2 nếu $17\% \leq \text{Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay} \leq 20\%$; 0 nếu Tỷ lệ khả năng thanh toán ngay $< 17\%$.</p>
<p>B. Năng lực / Kinh nghiệm nội tại của Ngân hàng (tối đa 35 điểm)</p>	<p>1. Mức độ tập trung của NH lên khối DNNVV</p> <p>- Tỉ lệ dư nợ tín dụng cho vay DNNVV trên tổng dư nợ (tối đa 10 điểm):</p> <p>10 nếu $n > 45\%$; 7 nếu $35\% \leq n \leq 45\%$; 4 nếu $25\% \leq n < 35\%$; 1 nếu $15\% \leq n < 25\%$; (-2) nếu $5\% \leq n < 15\%$; (-5) nếu $n < 5\%$.</p> <p>- Tỉ lệ tăng trưởng các khoản cho vay DNNVV (tối đa 5 điểm):</p> <p>5 nếu $n > 70\%$; 4 nếu $40\% \leq n \leq 70\%$; 3 nếu $20\% \leq n < 40\%$; 1 nếu $0\% \leq n < 20\%$; (-1) nếu $-20\% \leq n < 0\%$; (-3) nếu $n < -20\%$;</p>

	<p>2. Hệ thống đánh giá DNNVV</p> <p>- NH có hệ thống đánh giá DNNVV hay không? (tối đa 10 điểm):</p> <p>10 nếu “Có”; 0 nếu “Không”.</p> <p>3. Các năng lực khác</p> <p>- NH đã tham gia bao nhiêu chương trình hỗ trợ DNNVV của Trung ương cũng như địa phương trong 3 năm gần nhất? (tối đa 5 điểm):</p> <p>5 nếu $n > 5$; 0 nếu $n \leq 5$.</p> <p>- Hệ thống mạng lưới tiếp cận DNNVV (tối đa 5 điểm):</p> <p>5 nếu Hệ thống mạng lưới hoạt động > 50 tỉnh thành;</p> <p>4 nếu $40 \leq$ Hệ thống mạng lưới hoạt động ≤ 50 tỉnh thành;</p> <p>3 nếu $30 \leq$ Hệ thống mạng lưới hoạt động ≤ 40 tỉnh thành;</p> <p>2 nếu $20 \leq$ Hệ thống mạng lưới hoạt động ≤ 30 tỉnh thành;</p> <p>1 nếu $10 \leq$ Hệ thống mạng lưới hoạt động ≤ 20 tỉnh thành;</p> <p>0 nếu Hệ thống mạng lưới hoạt động < 10.</p>
<p>C. Mức độ cam kết của NH đối với các hoạt động hỗ trợ DNNVV của Quỹ (tối đa 25 điểm)</p>	<p>1. Ngân hàng có thực hiện các yêu cầu của Quỹ trong việc tạo điều kiện về quy trình, thủ tục, quá trình giải ngân để hỗ trợ DNNVV và sẵn sàng cung cấp thông tin về DNNVV cho Quỹ không? (tối đa 2,5 điểm):</p> <p>2,5 nếu “Có”; (-2,5) nếu “Không”.</p> <p>2. Tỷ lệ nợ quá hạn của các khoản cho vay từ nguồn vốn của Quỹ (được tính bằng số dư nợ quá hạn từ nguồn vốn của Quỹ/ tổng dư nợ của các khoản cho vay từ nguồn vốn của Quỹ) (tối đa 05 điểm):</p> <p>5 nếu Tỷ lệ nợ quá hạn = 0%;</p> <p>3 nếu $0\% < \text{Tỷ lệ nợ quá hạn} \leq 3\%$;</p> <p>0 nếu $3\% < \text{Tỷ lệ nợ quá hạn} \leq 5\%$;</p> <p>(-5) nếu Tỷ lệ nợ quá hạn $> 5\%$.</p> <p>3. Mức độ tuân thủ Hợp đồng cho vay gián tiếp (tối đa 05 điểm):</p> <p>5 nếu Số lần vi phạm = 0;</p>

	<p>0 nếu Số lần vi phạm = 1; (-1) nếu $1 < \text{Số lần vi phạm} \leq 3$ lần; (-3) nếu $3 < \text{Số lần vi phạm} \leq 5$ lần; (-5) nếu Số lần vi phạm > 5 lần.</p> <p>4. Ngân hàng có cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV thông qua các khoản vay hợp vốn với lãi suất ưu đãi không? (bằng với lãi suất của các khoản vay từ nguồn vốn của Quỹ (tối đa 05 điểm):</p> <p>5 nếu “Có”; (-5) nếu “Không”.</p> <p>5. Ngân hàng có tham gia với Quỹ trong việc hỗ trợ DNNVV như tư vấn quản lý và tài chính, tư vấn thuế, tư vấn pháp lý, tư vấn hoạt động cho DNNVV; ... (tối đa 2,5 điểm):</p> <p>2,5 nếu “Có”; (-2,5) nếu “Không”.</p> <p>6. Tổng doanh số cho vay gián tiếp theo Hợp đồng cho vay gián tiếp (CVGT) giữa Quỹ và Ngân hàng nhận ủy thác trong năm (tối đa 05 điểm):</p> <p>5 nếu Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm $> 20\%$ tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm; 3 nếu $10\% < \text{Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm} \leq 20\%$ tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm; 1 nếu $5\% < \text{Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm} \leq 10\%$ tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm; 0 nếu $0\% < \text{Tổng doanh số CVGT phát sinh trong năm} \leq 5\%$ tổng hạn mức các gói hỗ trợ tài chính của Quỹ trong năm; (-5) nếu không phát sinh hợp đồng CVGT nào trong năm.</p>
<p>D. Quản lý và quản trị điều hành (tối đa 10 điểm)</p>	<p>1. Hiệu quả quản lý:</p> <p>- Tổng chi phí hoạt động / Tổng thu nhập hoạt động (tối đa 5 điểm): 5 nếu $n < 45\%$; 3 nếu $45\% \leq n \leq 55\%$; 0 nếu $n > 55\%$.</p> <p>- Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ / Tổng chi phí hoạt động (tối đa 5 điểm):</p> <p>5 nếu $n > 30\%$; 3 nếu $25\% < n \leq 30\%$; 1 nếu $20\% \leq n \leq 25\%$; 0 nếu $n < 20\%$.</p>